

TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 93/2025/DS-PT

Ngày 28/8/2025

V/v: “*Tranh chấp HĐ vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hoà.**

Các thẩm phán: ông **Phạm Tồn;**

bà **Võ Thị Ngọc Dung.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Trường**, Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Văn Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 481/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Xuân T1**, sinh năm 1972. Địa chỉ: **A Balboa ST W**, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Phan Bá L**, sinh năm 1988; địa chỉ: **A đường T, khu phố E, thị trấn T, phường H, thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, thành phố Hồ Chí Minh)**. Có mặt.

- Bị đơn: bà **Nguyễn Thị Xuân T2**, sinh năm 1965 và ông **Phạm Ngọc T3**, sinh năm 1963 (chết); nơi đăng ký thường trú: **49/11 N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk)**.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Phạm Ngọc T3** có:*

1. Bà **Nguyễn Thị Xuân T2** (vợ ông **T3**, đồng bị đơn);
2. Anh **Phạm Nguyên B**, sinh năm 1997;

3. Chị **Phạm Nguyễn Thy H**, sinh năm 2005.

Cùng địa chỉ: **4 N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên** (nay là phường T, tỉnh **Đắk Lắk**).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị Xuân T2**: ông **Đặng Thanh H1**, sinh năm 1978; địa chỉ: **B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk**. Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh **Phạm Nguyên B**, sinh năm 1997; trú tại: **4 N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên** (nay là phường T, tỉnh **Đắk Lắk**). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có đơn kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị Xuân T2**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị Xuân T4** và người đại diện theo ủy quyền là ông **Phan Bá L** trình bày được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng tháng 3/2022, khi bà **Nguyễn Thị Xuân T1** đang sinh sống và làm việc tại Mỹ thì vợ chồng bà **Nguyễn Thị Xuân T2** và ông **Phạm Ngọc T3** đang có nhu cầu xây nhà nhưng thiếu tiền nên có mượn tiền của bà **T1**, do đó bà **T1** đã gửi tiền về cho bà **T2** và ông **T3** để có tiền xây nhà. Từ tháng 3/2022 đến tháng 7/2022, bà **T1** đã nhiều lần gửi tiền về cho bà **Nguyễn Thị Xuân T2** và ông **Phạm Ngọc T3**. Việc gửi tiền về cho gia đình bà **T2**, ông **T3** là gửi bằng đồng USD, có chứng từ do bà **T1** cất giữ.

Bà **T1** trực tiếp gửi hoặc nhờ người gửi dùm (nhờ bạn là bà **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1975, hộ chiếu số 599769778, địa chỉ: **A Balboa ST W, USA**; bà **Lê Thị L1**, sinh năm: 1950, hộ chiếu số: 452010551, địa chỉ: **H Trask Ave W, USA**; ông **Hiếu L2**, sinh năm: 1957, hộ chiếu số: 474995260, địa chỉ: **A Balboa ST W, USA**; bà **Trâm L3**, sinh năm: 1983, hộ chiếu số: 471675772, địa chỉ: **A cypress ST Garden grove CA I, USA**); người nhận tiền là bà **Nguyễn Thị Xuân T2** và ông **Phạm Ngọc T3**, ông **Phạm Nguyên B** (Con bà **T2** và ông **T3**), số lần bà **T1** (bao gồm cả bà **D**, bà **L1**, ông **H2**, bà **T5**) gửi tiền là: 19 giao dịch. Tổng số tiền gửi là 38.200 USD. Tạm tính 1 USD = 23.298 đồng tại thời điểm tháng 12 năm 2022, tương đương số tiền là khoảng 890.000.000 đồng (**T6** trăm chín mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận không có lãi suất và thời hạn trả là hết tháng 10/2022.

Khi đến hạn trả nợ thì bà **T2** và ông **T3** đã cố tình trốn tránh, không chịu trả số tiền trên, bà **T1** đã nhiều lần liên hệ bà **T2** và ông **T3** để yêu cầu trả nợ nhưng đến nay bà **T2** và ông **T3** chỉ mới trả lại cho bà **T1** số tiền mặt là 154.000.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu đồng). Tại thời điểm trả tiền thì hai bên không lập giấy tờ giao nhận. Hiện nay, ông **T3** và bà **T2** còn nợ lại bà **T1** số tiền 736.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Căn cứ vào các tình tiết khách quan trong vụ án, cùng với những chứng từ, giao dịch kể trên thì xét thấy từ ngày 25/4/2022 đến ngày 25/7/2022 bà **T1** đã rất nhiều lần chuyển tiền cho bà **T2** và ông **T3** mượn. Giữa bà **T1** với bà **T2**, ông **T3** có tồn tại hợp đồng vay tiền với thỏa thuận số tiền vay là 890.000.000 đồng (**T6** trăm chín mươi triệu đồng), thời hạn trả là hết tháng 10/2022 là sự thật. Hiện nay,

bà T2, ông T3 còn nợ bà T1 số tiền là 736.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà Nguyễn Thị Xuân T1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân T2 và ông Phạm Ngọc T3 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T1 số tiền đã mượn là 736.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng), trả ngay một lần khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại giai đoạn sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân T2; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Ngọc T3 là bà Nguyễn Thị Xuân T2 (là vợ ông T3, đồng thời là bị đơn), ông Phạm Nguyên B (con) và bà Phạm Nguyễn Thy H không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

“Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều 463, 466, 470, 615; các điều 280, 288, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Xuân T1 đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị Xuân T2 và ông Phạm Ngọc T3:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Xuân T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T1 số tiền vay gốc là 367.991.800 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi một nghìn tám trăm đồng).

+ Người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Ngọc T3 là bà Nguyễn Thị Xuân T2, ông Phạm Nguyên B, bà Phạm Nguyễn Thy H phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền do ông Phạm Ngọc T3 để lại cho bà Nguyễn Thị Xuân T1 số tiền vay gốc là 367.991.800 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi một nghìn tám trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Xuân T2, ông Phạm Nguyên B, bà Phạm Nguyễn Thy H thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay ông Phạm Ngọc T3 trong phạm vi giá trị di sản của ông Phạm Ngọc T3 để lại.

Kể từ ngày 10/12/2024 cho đến khi trả xong khoản tiền còn phải thi hành án, bà Nguyễn Thị Xuân T2, ông Phạm Nguyên B, bà Phạm Nguyễn Thy H còn phải trả lãi chậm trả tiền trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tiền lãi chậm trả, phần án phí dân sự sơ thẩm, quy định về thi hành án và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/02/2025, bà **Nguyễn Thị Xuân T2** có đơn kháng cáo.

Ngày 22/4/2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định số 25/2025 chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà **Xuân T2**

Tại phiên tòa phúc thẩm ông **Đặng Thanh H1** – đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị Xuân T2** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng dân sự.

- Bà **Xuân T1** có nhờ ông bà **Kim D**, **Hieu L4**, **Lê Thị L1**, **Tram L** gửi tiền về cho bà **Nguyễn Thị Xuân T2**, ông **Phạm Ngọc T3**. Tòa sơ thẩm không đưa những người này tham gia tố tụng là sai lầm nghiêm trọng.

- Bà **Xuân T1** chuyển tiền cho bà **Xuân T2** bằng 19 phiếu chuyển tiền nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá những phiếu chuyển tiền mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Xuân T1** là không đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà **Xuân T2**, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Theo 19 phiếu chuyển tiền thể hiện người gửi tiền là các ông bà **Kim D**, **H**, **Thuy N**, **Kim Dung N**, **T**, **Lien L**, trong đó người gửi **Thuy N** là bà **Nguyễn Thị Xuân T1** (nguyên đơn).

Nguyên đơn có cung cấp Giấy chứng tử thể hiện ông **Hieu Van L5** đã chết vào ngày 16 tháng 5 năm 2023. (b1 100)

Theo “Đơn trình bày” ngày 15/4/2024, bà **Nguyễn Thị Kim D** xác nhận “Tôi có biết việc bà **Nguyễn Thị Xuân T2** nhiều lần gửi tiền về cho bà **Nguyễn Thị Xuân T2** và ông **Phạm Ngọc T3** mượn với mục đích để xây dựng nhà ở. Từ ngày 25/4/2022 đến ngày 25/7/2022, bà **Nguyễn Thị Xuân T1** đã nhiều lần nhờ tôi thay mặt bà **Nguyễn Thị Xuân T1** gửi tiền về cho bà **Nguyễn Thị Xuân T2** và ông **Phạm Ngọc T3**. Tôi đã có 09 lần gửi tiền về cho bà **Nguyễn Thị Xuân T1** và ông **Phạm**

Ngọc T3 với tổng số tiền 19.000 USD”. Đơn có xác nhận của Công chứng viên bang C, quận O và có chứng nhận của T7 tại San Francisco H (bl 102-104).

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông bà Nguyễn Thị Kim D, Lê Thị L1, Tram L6 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định những người có quen vợ chồng bà Nguyễn Thị Xuân T2, ông Phạm Ngọc T3 không? tiền mà những người này chuyển là từ đâu, do ai nhờ chuyển? là thiếu sót.

[3] Mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhưng toàn bộ quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thì bà Nguyễn Thị Xuân T2 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Ngọc T3 (đã chết) là ông Phạm Nguyễn B1, chị Phạm Nguyễn Thy H đều vắng mặt.

Nguyên đơn có cung cho Tòa án cấp sơ thẩm 19 “*Phiếu gửi tiền*” thể hiện người nhận tiền là ông bà Nguyễn Thị Xuân T2, Phạm Ngọc T3, Phạm Nguyên B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Thanh H1 đại diện theo ủy quyền của bà Xuân T2 cho biết: những chữ ký người nhận trong “*Phiếu gửi tiền*” không phải của ông bà Xuân T2, Ngọc T3, Nguyên Bảo. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Bá L trình bày: do quen biết nên những người thuộc Công ty chuyển tiền cho ông bà T2, T3, B sơ suất không yêu cầu người nhận tiền ký nhận, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xác minh.

Thấy: Việc bị đơn không tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể xác minh những “*Phiếu gửi tiền*” có đúng hay không, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn xác nhận không có việc nhận tiền từ bà Xuân T1. Đây là những vấn đề mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm mà Tòa án cấp sơ thẩm không thể biết trong quá trình giải quyết vụ án.

Những nội dung mâu thuẫn trên thì Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục trong quá trình giải quyết vụ án nên cần phải hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Với những nhận định trên, thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân T2, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Xuân T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 311, khoản 6 Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân T2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 09/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sau sát nhập). Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà **Nguyễn Thị Xuân T2** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ II;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P. HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hòa